TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 439/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 15 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 62/2019/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Thanh B; sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp 1, xã TK, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Lê Thị H; sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp 1, xã TK, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và do các đương sự đang cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/5/2019, các đương sự thống nhất trình bày:

Các đương sự tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 10/TP, quyển số 01/2012, ngày 14/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thì có đủ cơ sở để xác định các đương sự là vợ chồng hợp pháp.

Do tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho các đương sự ly hôn.

- Xét về quan hệ con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 39, quyển số 01/2012 ngày 14/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đã có đủ cơ sở để xác định: Các đương sự có một con chung là Nguyễn Hoàng Phúc, sinh ngày 28/08/2011.

Các đương sự thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Hoàng Phúc cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), thi hành vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 10/6/2019 cho đến khi trẻ Phúc đủ 18 tuổi.

Thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của trẻ Phúc nên được chấp nhận.

- Xét về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tự nguyện cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/TP, quyển số 01/2012, ngày 14/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Giao trẻ Nguyễn Hoàng Phúc cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), thi hành vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 10/6/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ khác làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bà H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự cùng chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006754 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Các đương sự đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Quốc Đạt